

# NÉT ĐẶC SẮC TRONG BÀI THƠ THẤT NGÔN “THU ĐIỀU” CỦA NGUYỄN KHUYẾN

Hồ Thị Kim Ánh

*Khoa Ngữ văn và Khoa học xã hội, Trường Đại học Hải Phòng*

*Email: anhhtk@dhhp.edu.vn*

Bùi Thị Thuý

*Cao học Ngôn ngữ Việt Nam K12B, Trường Đại học Hải Phòng*

*Ngày nhận bài: 25/9/2023*

*Ngày PB đánh giá: 17/11/2023*

*Ngày duyệt đăng: 24/11/2023*

**TÓM TẮT:** Thơ thất ngôn Đường luật là một trong những thể loại thơ xuất hiện từ rất sớm trong văn học Trung Quốc. Xét trong hệ thống rất đa dạng các thể loại của văn học Việt Nam, thể loại thơ thất ngôn Đường luật thuộc số ít các thể loại có lịch sử lâu đời. Trong tiến trình văn học Việt Nam, thể loại thơ này có vị trí gần như là độc tôn trên thi đàn Việt Nam. Tác gia Tam Nguyên Yên Đỗ Nguyễn Khuyến là một trong nhà thơ cuối cùng của thời trung đại, được mệnh danh là “nhà thơ của dân tình và làng cảnh Việt Nam”. Bài thơ “Thu điều” (Câu cá mùa thu) của ông được coi là bài thơ đặc sắc, được viết bằng thể thơ thất ngôn bát cú Đường luật vì thanh điệu và nhịp điệu trong bài thơ không những đảm bảo đúng quy luật của thể thơ Đường luật mà còn thể hiện sự sáng tạo riêng của Nguyễn Khuyến trong cách ngắt nhịp và cách gieo vần.

**Từ khóa:** thơ thất ngôn, Đường luật, thất ngôn tứ tuyệt, thất ngôn bát cú, Nguyễn Khuyến

## UNIQUE FEATURES OF THE SEVEN-CHARACTER POEM "THU DIEU"

BY NGUYEN KHUYEN

**ABSTRACT:** Seven-character poetry is one of the poetry genres that appeared very early in Chinese literature. Considering the diverse system of genres of Vietnamese literature, seven-character poetry genre is among the few genres with a long history. In the process of Vietnamese literature, this genre of poetry has an almost unique position in Vietnamese literature. The author Tam Nguyen Yen Do Nguyen Khuyen, one of the last poets of the medieval period, is known as the poet

of Vietnamese people and villages. His poem "Thu dieu" (Fishing in Autumn) is considered a unique poem, written in seven-character eight-line form because the tone and rhythm in the poem not only meet Tang poetry rules but also demonstrate Nguyen Khuyen's own creativity in the way of staccato and rhyme.

**Keywords:** seven-character poetry, Tang poetry, the seven-character-quatrain, seven-character eight-line form, Nguyen Khuyen

---

## I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Cổ thi thất ngôn hay còn gọi là thơ thất ngôn Đường luật, thơ Đường luật là một trong những thể loại thơ xuất hiện từ rất sớm trong văn học Trung Quốc, cụ thể là được ra đời từ đời Đường (618 - 907). Đây là thể thơ mỗi câu có bảy chữ. Thơ thất ngôn được coi là một thể loại thơ thịnh hành trong các sáng tác thơ ca ở khu vực Đông Nam Á thời kỳ văn học trung đại. Nhưng thực chất, phải đến đời nhà Đường thì thi luật của nó mới được các nhà thơ đưa ra những quy định nghiêm ngặt, cụ thể, rõ ràng, thống nhất trong suốt thời kỳ phong kiến. Từ đó, các đời vua Trung Quốc và Việt Nam đã lựa chọn thể thơ này làm một đề bài dùng cho việc thi cử tuyển chọn nhân tài. Vì luật thơ thất ngôn Đường luật chặt chẽ và nghiêm ngặt, thêm vào đó là lịch sử lâu đời nên suốt một thời gian dài, trên thi đàn Việt Nam, thơ thất ngôn Đường luật được xem là có tầm quan trọng bậc nhất trong các thể loại của văn học Việt Nam.

Nguyễn Khuyến là tác gia tiêu biểu của dòng văn học trung đại Việt Nam chặng cuối. Nguyễn Khuyến thành công trên cả hai lĩnh vực thơ chữ Hán và thơ chữ Nôm. Thơ chữ Hán của ông hầu hết là trữ tình. Còn thơ chữ Nôm của ông vừa trào phúng vừa trữ tình. Chính nhờ những bài thơ Nôm giản dị, gần gũi với người dân quê và ám áp hồn thơ đất Việt ấy mà người đời sau gọi ông là “nhà thơ dân tình làng cảnh” (Xuân Diệu). Thơ Nôm đã đưa tên tuổi của Nguyễn Khuyến đặt ngang tầm với những nhà thơ văn trào phúng bậc thầy trong nền văn học Việt Nam. Chúng ta không thể không nhắc đến những bài thơ Nôm đã giúp ông tỏa sáng trên văn đàn, đại diện tiêu biểu chính là chùm thơ thu mà có lần Xuân Diệu đã nhận định: “Nguyễn Khuyến nổi tiếng nhất trong văn học Việt Nam là về thơ Nôm. Mà trong thơ Nôm của Nguyễn Khuyến, nức danh nhất là ba bài thơ mùa thu: “Thu điếu, Thu Vịnh, Thu ẩm”. Đây là ba bài thơ hay và điển hình nhất cho mùa thu của

làng cảnh Việt Nam, mà chính xác là vùng chiêm trũng Bắc Bộ. Chùm ba bài thơ đã được chọn dạy ở nhà trường cùng một số bài thơ Nôm như “Bạn đến chơi nhà”, “Khóc Dương Khuê”,... Tất cả những điều này chứng minh một điều rằng Thơ Nôm theo thể thất ngôn Đường luật đóng vai trò hết sức quan trọng và đã làm nên những thành công đặc sắc trong sự nghiệp sáng tác của nhà thơ Nguyễn Khuyến.

Bài viết nhằm vận dụng những hiểu biết khái quát về thơ thất ngôn để tìm hiểu bài thơ “Thu điếu” (Câu cá mùa thu) của tác giả Nguyễn Khuyến.

## II. TỔNG QUAN VẤN ĐỀ NGHIÊN CỨU VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

### 1. Tổng quan vấn đề nghiên cứu

Từ trước đến nay, đã có nhiều công trình văn học sử nghiên cứu về sự ra đời, nguyên tắc sáng tác, luật thơ, tác gia, tác phẩm thơ thất ngôn Đường luật. Trong khuôn khổ bài viết, chúng tôi khái lược như sau:

Việc nghiên cứu về nguồn gốc, thời gian ra đời của thất ngôn Đường luật ở Trung Quốc, thời gian du nhập của thơ thất ngôn Đường luật vào Việt Nam nói chung khá thống nhất. Từ những năm giữa thế kỷ XIX đã có “Thi văn Việt Nam” (1951) của tác giả Hoàng Xuân Hãn, “Lược thảo lịch sử

văn học Việt Nam tập III” (1957) của nhóm sáu tác giả, đứng đầu là Vũ Đình Liên, “Sơ thảo lịch sử văn học Việt Nam” (1957) của Văn Tân, “Mấy vấn đề văn học sử Việt Nam” (1958) của Trương Tửu, “Giáo trình lịch sử văn học Việt Nam” (2000) của Nguyễn Đăng Mạnh, “Con đường giải mã văn học trung đại Việt Nam” (2021) của Nguyễn Đăng Na,... Về cơ bản, trong các công trình trên, các tác giả đã đề cập vấn đề nguồn gốc của thể loại thơ thất ngôn Đường luật, lý giải thời điểm ra đời và những vai trò, ảnh hưởng của của thơ thất ngôn Đường luật đến thơ ca Việt Nam nói chung, những tác giả và tác phẩm thơ thất ngôn Đường luật tiêu biểu trong thời kỳ văn học trung đại Việt Nam.

Ở một xu hướng nghiên cứu khác, việc nghiên cứu đã được mở rộng một cách có hệ thống hơn. Hướng nghiên cứu này phổ biến và tương đối hiệu quả về thơ thất ngôn Đường luật. Đó là hướng nghiên cứu trên phương diện cấu trúc thể thơ, quy luật gieo vần, hài thanh, ngắt nhịp. Nghĩa là việc nghiên cứu thơ thất ngôn Đường luật theo hướng này đã đi sâu vào lý thuyết sáng tác, vận hành mà không chỉ đơn thuần nghiên cứu về lịch sử hay những tác giả tác phẩm tiêu biểu như khuynh hướng trên. Những công trình nghiên cứu chi tiết vào từng thể loại cụ thể của thơ thất ngôn Đường luật có

thể kể đến như: “Những khuynh hướng trong thi ca Việt Nam” (1962) của tác giả Minh Huy; “Các thể thơ và sự phát triển của hình thức thơ ca trong văn học Việt Nam” (1971) của nhóm tác giả Bùi Văn Nguyên, Hà Minh Đức, “Thơ và mấy vấn đề trong thơ Việt Nam hiện đại” (1974) cũng của tác giả Hà Minh Đức, “Phong trào thơ mới 1932- 1945” (1982) của tác giả Phan Cự Đệ), “Lý luận và phê bình văn học” (2021) của Trần Đình Sử, “Thi pháp thơ Đường” (2007) của Nguyễn Bích Hải. Các công trình vừa kể đã nêu ra khái niệm, các kiểu loại, quy luật sáng tác của thơ thất ngôn Đường luật. Các tác giả cũng phân tích chi tiết về sự phát triển của thể thơ thất ngôn Đường luật về phương diện cấu trúc hình thức, về niêm, luật.

## 2. Phương pháp nghiên cứu

Bài viết sử dụng phương pháp và thủ pháp nghiên cứu sau:

- Phương pháp miêu tả: dùng để miêu tả đặc điểm về luật thơ thất ngôn nói chung và bài thơ thất ngôn “Thu điếu” của Nguyễn Khuyến nói riêng.

- Phương pháp phân tích: dùng để phân tích đặc điểm của bài thơ thất ngôn “Thu điếu” của Nguyễn Khuyến.

## III. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

### 1. Một số vấn đề khái quát về thể thơ thất ngôn

### 1.1. Khái niệm thơ thất ngôn

Về khái niệm thơ thất ngôn, chúng tôi đi theo quan niệm của tác giả Đỗ Đức Hiếu và nhóm biên soạn trong cuốn “Từ điển văn học” (Bộ mới). Trong mục “thơ Đường luật”, các tác giả đã viết: “Thơ Đường luật còn gọi là thơ cận thể hay thơ cách luật ngũ ngôn. Thể thơ cách luật ngũ ngôn hoặc thất ngôn được đặt ra từ đời Đường ở Trung Quốc. Có ba dạng chính: Thơ bát cú (mỗi bài tám câu), thơ tứ tuyệt (mỗi bài bốn câu), và thơ bài luật (dạng kéo dài của thơ Đường luật). Trong đó thơ bát cú, nhất là thất ngôn bát cú (mỗi bài tám câu, mỗi câu bảy chữ) được coi là dạng cơ bản vì từ nó, có thể suy ra các dạng khác. Về bố cục, một bài bát cú gồm 4 phần: đề, thực, luận, kết” [4, 1690].

Thơ Đường luật được gọi là thơ *cận thể* vì nó được sáng tác theo niêm luật riêng. Thơ Đường luật đối lập và phân biệt với thể loại thơ cổ phong (cổ thể, cổ thi), không theo niêm luật, không hạn chế số câu, chữ như thơ Đường luật.

Niêm, Luật, Đối, Vần và Bố cục là 5 yếu tố phối hợp làm nên một bài thơ Đường luật chuẩn mực. Hệ thống những quy tắc này rất phức tạp, đòi hỏi nhà thơ khi sáng tác phải tuân theo một cách nghiêm ngặt. Các nhà thơ Việt Nam thời kỳ trung đại và cả thời kỳ hiện đại sau

này khi làm thơ theo lối cận thể đã sáng tạo được rất nhiều tác phẩm xuất sắc dựa trên những quy tắc này như “Chức phận làm con” của Nguyễn Bình Khiêm, “Thu điếu” của Nguyễn Khuyến, “Đây thôn Vĩ Dạ” của Hàn Mặc Tử, “Tràng Giang” của Huy Cận.

### 1.2. Các loại thơ thất ngôn

Thơ thất ngôn Đường luật, nếu xét về số câu, tức là xét về hình thức, gồm có 4 dạng là thất ngôn bát cú, thất ngôn tứ tuyệt, ngũ ngôn bát cú, ngũ ngôn tứ tuyệt.

- **Thất ngôn bát cú:** là thể thơ mỗi bài có tám câu, mỗi câu sẽ có 7 chữ. Thất ngôn bát cú được xem là dạng phổ biến nhất của thể thơ Đường luật. Những thành tựu đáng kể nhất của thơ thất ngôn Đường luật đa số được sáng tác bằng thể loại thất ngôn bát cú.

- **Thất ngôn tứ tuyệt:** là thể thơ mỗi bài có 4 câu và mỗi câu 7 chữ, trong đó các câu 1, 2, 4 hoặc chỉ các câu 2, 4 hiệp vần với nhau ở chữ cuối. Có thể nói, bài thơ thất ngôn tứ tuyệt chính là một bài thất ngôn bát cú lược bỏ đi 4 câu đầu hoặc 4 câu cuối. Quy luật bằng - trắc của thanh điệu, bên cạnh đó là những quy tắc về và niêm, vần trong thể loại thất ngôn tứ tuyệt vẫn được giữ nguyên. Riêng, luật đối ở hai câu 3, 4 hoặc 5, 6 trong bài thơ thất ngôn tứ tuyệt có thể lược bỏ, không cần giữ như trong thể loại thất ngôn bát

cú. Lúc này sẽ trở thành một bài thơ “4 câu 3 vần” mà Nguyễn Du đã sử dụng để viết “Truyện Kiều”.

- **Ngũ ngôn bát cú:** là thể thơ mỗi bài có 8 câu, mỗi câu 5 chữ. Ngũ ngôn bát cú thực chất là một bài thơ thất ngôn tứ tuyệt bị lược đi 2 chữ đầu ở mỗi câu. Các chữ trong bài thơ, luật bằng - trắc, niêm, vần cũng tuân theo quy tắc của bài thơ thất ngôn bát cú. Thêm vào đó, bài thơ ngũ ngôn bát cú cũng là biến thể từ bài thơ thất ngôn bát cú nhưng 2 chữ đầu ở mỗi câu bị bỏ đi, luật bằng - trắc, niêm và vần ở các chữ còn lại vẫn giữ nguyên quy tắc của bài thơ thất ngôn bát cú.

- **Ngũ ngôn tứ tuyệt:** là thể thơ mỗi bài có 4 câu, mỗi câu 5 chữ. Đây cũng là thể loại được biến thể về số câu, chữ từ các thể loại đã kể trên. Luật bằng - trắc, niêm và vần ở các chữ còn lại vẫn giữ nguyên quy tắc của bài thơ thất ngôn bát cú.

### 1.2. Phân tích nét đặc sắc trong bài thơ “Thu điếu” (Câu cá mùa thu) của Nguyễn Khuyến

“Thu điếu” là một trong ba bài thơ đặc sắc viết về mùa thu của Nguyễn Khuyến. Bài thơ thể hiện tình yêu thiên nhiên, đất nước và kín đáo bộc lộ tâm sự nhân thế của tác giả. Bầu trời thu trong xanh, làn gió thu man mác thổi làm cho những chiếc lá vàng rơi nhanh, những tia

nắng hanh vàng của mùa thu ở làng quê Bắc Bộ đã làm rung động tâm hồn nhà thơ. Trong cảnh thiên nhiên mùa thu thanh vắng, con người cảm thấy lạc lõng, cô đơn.

Là bài thơ làm theo thể thất ngôn, nhịp điệu và thanh điệu trong bài “Thu điếu” thể hiện rất rõ niêm luật của Đường thi.

### 1.2.1. Về nhịp điệu

Nếu thơ thất ngôn Đường luật truyền thống có nhịp phổ biến là 3/4 hoặc 4/3 thì bài thơ ngắt nhịp 2/2/3. Đó chính là sự vận dụng sáng tạo cách ngắt nhịp trong bài thơ của Nguyễn Khuyến khi vận dụng thể thơ thất ngôn truyền thống.

*Ao thu/ lạnh lẽo/ nước trong veo  
Một chiếc/ thuyền câu/ bé tẻo teo  
Sóng biếc/ theo làn/ hơi gợn tí  
Lá vàng/ trước gió/ sẽ đưa vèo  
Tầng mây/ lơ lửng/ trời xanh ngắt  
Ngõ trúc/ quanh co/ khách vắng teo  
Tựa gối/ ôm cần/, lâu chẳng được  
Cá đâu/ đớp động/ dưới chân bèo.*

Nhịp 2/2/3 giúp cho người đọc ngắt các tiếng ra ở những vị trí hợp lý. Khi đọc, người đọc nghỉ sau tiếng thứ hai, tiếng thứ tư và tiếng thứ bảy. Đây cũng là cách ngắt nhịp thường gặp ở

một bài thơ thất ngôn. Quan trọng nhất là, trong bài thơ thất ngôn này, vần được sử dụng tại cuối các câu thứ nhất, thứ hai, thứ tư, thứ sáu và thứ tám. Vậy nên, khi đọc, các tiếng này cũng cần được ưu tiên bằng việc đặt trọng âm vào chúng.

Nhịp 2/2/3 của bài thơ cũng giúp chúng ta nhận ra được sự đối ý của các sự vật, tính chất, hoạt động ở câu 3 - 4, câu 5 - 6. Đối ý trong hai cặp câu này góp phần biểu đạt những nội dung của chúng. Không gian hiện lên trong trẻo, xinh xắn và tĩnh lặng. Tác giả Nguyễn Khuyến đã thể hiện sự khéo léo, tinh tế thông qua việc lựa chọn hình ảnh, chi tiết. Thiên nhiên trong bài thơ được phác họa thành một bức tranh đẹp có đường nét mềm mại, sinh động và màu sắc cân đối, hài hoà như một bức tranh thủy mặc. Tất cả các sự vật trong bài thơ như: cái ao, chiếc thuyền, tầng mây, ngõ trúc, ... rất hài hoà với nhau, tạo nên một bức tranh phong cảnh thật đẹp. Trong bức tranh này, vật gì cũng thanh sơ, nhỏ nhỏ, xinh xắn. Không gian yên tĩnh đến mức vắng lặng, cô đơn. Mặt ao với một chút sóng gợn lăn tăn được lấy làm nền. Trên mặt nước trong xanh của ao là hình ảnh một người ngồi câu rất trầm tĩnh, đầy suy tư trên chiếc thuyền câu nhỏ bé, mỏng mảnh. Người câu rất chăm chú vào chiếc cần câu với tư thế tay ôm cần câu, để trên gối. Nổi bật trên nền xanh

dịu của nước ao thu ấy là một chiếc lá vàng chao nghiêng. Ở phía dưới bức tranh là vẩy, còn cao hơn chút nữa là bầu trời lồng lộng, xanh ngắt và vài đám mây lơ lửng trôi. Chiều sâu không gian của bức tranh thủy mặc được mở thêm ra. Đối lập với mặt ao hẹp, gọn sóng nhẹ và hiu hắt gió là không gian rộng, sâu. Sự vắng bóng của con người trong không gian đã tạo ra một cảm giác cô quạnh. Làng quê hiện lên với cảnh sắc thanh mát, trong trẻo nhưng hình như trong cảm nhận của nhà thơ, cảnh thiên nhiên vẫn thấm thía một nỗi cô đơn, hiu hắt đến chạnh lòng. Giá trong khung cảnh tĩnh mịch, vắng vẻ ấy có bóng dáng của con người chắc thì sẽ đỡ cô liêu hơn nhiều. Thực ra, người câu cá không quan tâm có câu được cá hay không mà chỉ buông câu ngồi để suy tư về một việc gì đó hay về thể thái, nhân tình chẳng. Kết thúc bài thơ là sự giật mình, bừng tỉnh của người câu cá. Sau một thời gian mãi suy ngẫm, đến tận khi cá cắn câu, đám bèo dưới ao lay động, người câu mới thực sự trở lại với thực tại.

### 1.2.2. Về thanh điệu

Trong bài thơ thất ngôn bát cú “Thu điếu”, để tạo ra một sự cân đối và ổn định về âm điệu, nhà thơ không những đảm bảo đúng “niêm” của thể thơ thất ngôn mà còn sử dụng độc vận

để tạo ra nét riêng cho bài thơ. Và bài thơ có luật bằng vần bằng (âm tiết thứ hai của dòng thơ đầu tiên mang thanh bằng). Theo luật thơ Đường thì âm tiết thứ nhất, thứ ba, thứ năm không cần đúng luật (nhất, tam, ngũ bất luận hay còn gọi là lệ bất luận) còn âm tiết thứ hai, thứ tư và thứ sáu cần đúng luật (nhị, tứ, lục phân minh).

Ngoài luật, bài thơ cũng còn có niêm, tức là dính, gắn kết với nhau. Quy luật của niêm là:

Tiếng thứ hai của câu 1 với tiếng thứ 2 của câu 8 phải cùng thanh điệu với nhau (cùng bằng).

Tương tự như thế:

Tiếng thứ hai câu 2 với tiếng thứ hai câu 3, cùng trắc.

Tiếng thứ hai câu 4 với tiếng thứ hai câu 5, cùng bằng.

Tiếng thứ hai câu 6 với tiếng thứ hai câu 7, cùng trắc.

Đây là hệ thống dọc gắn các câu thơ cùng với luật tạo thành thể liên hoàn, đan xen giữa luật và niêm. Như vậy, bài thơ được kết bằng 2 hệ thống ngang dọc chặt chẽ, lấy 2 cặp giữa làm trung tâm, đầu cuối tương ứng, liên hoàn về thanh điệu.

Dưới đây là bảng luật thanh điệu (B; bằng; T: trắc) trong bài thơ:

**Bảng 1. Luật thanh điệu trong bài thơ “Thu điếu”**

Thứ tự tiếng	1	2	3	4	5	6	7
Câu 1	Ao	thu	lạnh	lẽo	nước	trong	veo
	B	B	T	T	T	B	B
Câu 2	Một	chiếc	thuyền	câu	bé	tèo	teo
	T	T	B	B	T	T	B
Câu 3	Sóng	biếc	theo	làn	hoi	gợn	tí
	T	T	B	B	B	T	T
Câu 4	Lá	vàng	trước	gió	sẽ	đưa	vèo
	T	B	T	T	T	B	B
Câu 5	Tầng	mây	lơ	lửng	trời	xanh	ngắt
	B	B	B	T	B	B	T
Câu 6	Ngõ	trúc	quanh	co	khách	vắng	teo
	T	T	B	B	T	T	B
Câu 7	Tựa	gối	ôm	cần	câu	chẳng	được
	T	T	B	B	B	T	T
Câu 8	Cá	đâu	đớp	động	dưới	chân	bèo
	T	B	T	T	T	B	B

Từ bảng trên ta có thể phân tích cụ thể như sau:

Bài thơ có luật bằng, vần bằng. Theo luật bằng thì thanh bằng được sử dụng trong chữ thứ hai của câu đầu tiên là chữ “thu”. Theo luật vần bằng thì các tiếng thứ 7 của câu 1, câu 2, 4, 6

và 8 được Nguyễn Khuyến gieo vần giống nhau, trong bài thơ là vần “eo”. Nói cách khác, các tiếng “veo”, “teo”, “vèo”, “teo”, “bèo” hiệp vần với nhau. Như vậy, có thể khẳng định, vần trong bài thơ đảm bảo đúng “niêm” của thể thơ thất ngôn. Vần được gieo giống nhau ở tất cả các tiếng cần thiết gọi là



vần “chân” hay “độc vận, tứ vận”.

Tiếng thứ hai và tiếng thứ sáu của mỗi câu thơ cùng thanh điệu với nhau, cùng bằng hoặc cùng trắc:

Ao **thu** lạnh lẽo nước **trong** veo

B B

Một **chiếc** thuyền câu bé **tẻo** teo

T T

Sóng **biếc** theo làn hơi **gợn** tí

T T

Lá **vàng** trước gió sẽ **đưa** vèo

B B

Tầng **mây** lơ lửng trời **xanh** ngắt

B B

Ngõ **trúc** quanh co khách **vắng** teo

T T

Tựa **gối** ôm cần, lâu **chẳng** được

T T

Cá **đâu** đớp động dưới **chân** bèo.

B B

Chữ thứ 4 trong mỗi câu không có thanh điệu giống với 2 chữ kia. Ví dụ ở câu đầu tiên, chữ thứ 2 và thứ 6 đã sử dụng thanh bằng thì chữ thứ 4 sử dụng thanh trắc. Ngược lại ở câu thứ 2, chữ thứ 2 và thứ 6 đã sử dụng thanh trắc thì chữ thứ 4 sử dụng thanh bằng. Cách sắp xếp các thanh bằng, trắc cũng

tuân theo đúng niêm luật. Chữ thứ nhất, thứ ba và thứ năm không nhất thiết theo đúng luật nhưng chữ thứ hai, thứ tư và thứ sáu bắt buộc phải theo luật và xen kẽ nhau. Tức là nếu tiếng thứ 2 là thanh bằng thì tiếng thứ 4 là thanh trắc, tiếng thứ 6 thanh bằng và dòng tiếp theo thì ngược lại.

Ví dụ: trong câu đầu, tiếng thứ 2 = bằng, 4 = trắc, 6 = bằng thì câu kế tiếp sẽ là 2 = trắc, 4 = bằng, 6 = trắc):

Ao **thu** lạnh lẽo nước **trong** veo

B T B

Một **chiếc** thuyền câu bé **tẻo** teo

T B T

Sóng **biếc** theo làn hơi **gợn** tí

T B T

Lá **vàng** trước gió sẽ **đưa** vèo

B T B

Thanh điệu và vần của các tiếng trong bài thơ góp phần tạo ra âm điệu riêng. Chẳng hạn, các tiếng có vần bằng như tiếng “ao” “thu”, “trong”, “veo”, ... trong câu 1 đã tạo ra âm hưởng đều đều, bằng phẳng cho câu thơ và góp phần miêu tả làn nước trong xanh, yên lặng, không một gợn sóng. Còn các tiếng có vần trắc như tiếng “biếc” “gợn”, ... trong câu 3 lại tạo ra âm hưởng lên, xuống không đều, góp phần biểu hiện sự lay động của làn

nước và sự trăn trở trong nội tâm của con người.

Có thể nói, luật phối thanh trong bài thơ “Thu điếu” rất chặt chẽ bởi bài thơ đã vận dụng quy định về thanh điệu của thơ Đường luật. Không chỉ là một phương tiện hình thức đơn thuần, thanh điệu và nhịp điệu trong bài thơ thất ngôn “Thu điếu” vừa có vai trò biểu đạt giá trị nội dung của bài thơ vừa thể hiện những nét đặc sắc riêng của Nguyễn Khuyến khi vận dụng thể thơ thất ngôn Đường luật vào một sáng tác cụ thể.

#### IV. KẾT LUẬN

Bài thơ “Thu điếu” được xem là một trong những bài thơ có niêm luật chặt chẽ. Luật phối thanh trong bài thơ đã đảm bảo theo sự quy định về thanh bằng, thanh trắc trong từng câu và trong cả bài. Sự xen kẽ, điệp, đối bằng trắc làm cho điệu thơ cân xứng, hài hoà, nhịp nhàng và giàu tính nhạc.

Về nhịp điệu, bài thơ ngắt nhịp 2/2/3 khác với nhịp 3/4 hoặc 4/3 phổ biến trong thơ thất ngôn Đường luật truyền thống. Bên cạnh đó, bài thơ được làm theo luật vần bằng nhưng nét đặc sắc được thể hiện ở chỗ bài thơ chỉ sử dụng vần “chân” hay “độc vận, tử vận”. Những điều này cho thấy sự vận

dụng sáng tạo cách ngắt nhịp và cách gieo vần của Nguyễn Khuyến khi vận dụng thể thơ thất ngôn Đường luật truyền thống trong bài thơ “Thu điếu” của ông.

#### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Sĩ Đại (1996), *Một số đặc trưng nghệ thuật của thơ tứ tuyệt đời Đường*, Nxb Văn học, Hà Nội.
2. Nguyễn Thị Bích Hải (2007), *Thi pháp Thơ Đường*, Nxb Thuận Hóa, Huế.
3. Dương Quảng Hàm (1996), *Việt Nam văn học sử yếu*, Nxb Hội Nhà văn.
4. Đỗ Đức Hiếu (2004), *Từ điển văn học* (Bộ mới), Nxb Khoa Thế giới, Hà Nội.
5. Lạc Nam (1995), *Tìm hiểu các thể thơ*, Nxb Văn học, Hà Nội.
6. Bùi Văn Nguyên, Hà Minh Đức (1971), *Các thể thơ ca và sự phát triển của hình thức thơ ca trong văn học Việt Nam*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
7. Nhiều tác giả (1984), *Từ điển thuật ngữ văn học*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
8. Nguyễn Khuyến (2019), *Thơ Nguyễn Khuyến*, Nxb Kim Đồng, Hà Nội.